

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tóm tắt

Phạm Quang Hường*

Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có quy mô GDP đứng thứ hai trong cả nước. Mặc dù cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH thời gian qua đã chuyển dịch đúng hướng, nhưng với tình hình thời tiết cực đoan, biến đổi thất thường với tần suất ngày càng gia tăng đã ảnh hưởng lớn tới sự tăng trưởng và phát triển của các khu vực kinh tế trong vùng. Bài viết tập trung phân tích các điều kiện thực tế và từ đó đưa ra những giải pháp để thực hiện các mục tiêu đã đề ra cho giai đoạn tiếp theo trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Trong thời gian tới, vùng ĐBSH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chung như: tăng cường nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về BĐKH; rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành trong vùng; Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng và các biện pháp giảm nhẹ, thích ứng với BĐKH; tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh quy hoạch, đồng bằng sông Hồng, biến đổi khí hậu.

Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Hồng (hay châu thổ sông Hồng) là một vùng đất rộng lớn nằm quanh khu vực hạ lưu sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam, vùng đất bao gồm 10 tỉnh và thành phố như: Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Gần như đồng nghĩa với đồng bằng sông Hồng là vùng trung châu, khác với vùng chân núi trung du và núi cao thượng du. Không giống như vùng đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng chỉ có 2 tỉnh Thái Bình và Hưng Yên là không có núi, do đó khu vực này thường được gọi là châu thổ sông Hồng. Với diện tích đồng bằng là

15.000 km², chiếm 4,5% diện tích của cả nước, trải rộng từ vĩ độ 21°34' B (huyện Lập Thạch) tới vùng bãi bồi khoảng 19°5' B (huyện Kim Sơn), từ 105°17' Đ (huyện Ba Vì) đến 107°7' Đ (trên đảo Cát Bà), được chia cắt bởi nhiều huyết mạch của cả nước. Là nơi tập trung nhiều thành phố, nhiều tỉnh với nhiều khu công nghiệp và đặc biệt, trong đó có vị thế là thủ đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước.

1. Thực trạng cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu

1.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế

Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) có quy mô GDP đứng thứ 2 trong cả nước chỉ sau vùng Đông Nam bộ. Đến năm 2012, vùng ĐBSH đóng góp 23,5% GDP cả nước. So với năm 2002, GDP đã tăng gấp 6,52 lần. ĐBSH là vùng phát triển mạnh về dịch vụ, công nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP của vùng ĐBSH khá cao và ổn định, luôn cao hơn so với mức trung bình của cả nước. Giai đoạn 2002 - 2007 tốc độ tăng trưởng GDP của vùng đạt 11,4% (cả nước là 7,6%), trong đó mức tăng trung bình của công nghiệp - xây dựng là 15,8%, của nông - lâm nghiệp - thủy sản là 4,8%, của dịch vụ là 11,1%. Bước sang giai đoạn 2007 - 2012, tốc độ tăng trưởng bình quân của vùng tăng lên 0,8% so với giai đoạn trước, đạt 12,2%, trong đó, công nghiệp - xây dựng giảm xuống còn 14,8% (giảm 1,0%). Ngược lại, dịch vụ lại tăng lên, đạt 12,5% (tăng 1,4%) và nông - lâm - thủy sản giảm xuống còn 3,6%. Với quy mô lớn và tốc độ tăng trưởng khá cao nên đóng góp của vùng ĐBSH vào tăng trưởng GDP của cả nước là khá lớn. Tính chung giai đoạn 2002-2012, vùng này đóng góp tới 24,4% giá trị tăng trưởng GDP của cả nước. Điều đó góp phần quan trọng trong việc khẳng định vai trò và vị thế của vùng trong tổng thể nền kinh tế quốc gia.

*Phạm Quang Hường, Bộ Thông tin và Truyền thông

Bảng 1. GDP và GDP/người vùng ĐBSH giai đoạn 2002-2012

Chỉ tiêu	Năm 2002	Năm 2007	Năm 2012
GDP toàn vùng (tỷ đồng)	88.452	194.145	567.123
% so với cả nước	20,8	22,3	24,5
GDP/người (triệu đồng)	4,94	10,70	28,10
% so với cả nước	86,4	100,0	124,2

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH năm 2003- 2013 và tính toán của tác giả.

Trong suốt giai đoạn 2002-2012, mặc dù quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, tốc độ tăng dân số được khống chế ở mức thấp và ổn định, song với quy mô và mật độ dân số đông nên GDP bình quân đầu người của vùng ĐBSH tuy có tăng nhưng nhìn chung vẫn thấp hơn mức trung bình của cả nước từ 4,94 triệu đồng/người năm 2002 (cả nước 5,8 triệu đồng/người) lên 10,7 triệu đồng/người năm 2007 (cả nước là 10,5 triệu đồng/người). Tuy nhiên đến năm 2012, GDP/người của vùng ĐBSH đã vượt lên, cao hơn mức trung bình của cả nước đạt 28,1 triệu đồng/người (cả nước 23,7 triệu đồng/người) (Bảng 1).

Như vậy, nhìn chung vùng ĐBSH là vùng có thực lực và trình độ phát triển kinh tế khá hơn so với nhiều vùng trong cả nước. Tuy vậy, quá trình phát triển trong giai đoạn 2002-2012 cho thấy quy mô và tốc độ tăng trưởng của vùng ĐBSH còn chưa tương xứng với tiềm năng thế

mạnh của vùng. Điều này cho thấy vùng còn có nhiều hạn chế bởi nhiều các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Đây là vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn nữa, đồng thời cần có những giải pháp mang tính khả thi nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng hơn nữa trong những giai đoạn tiếp theo.

1.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Những năm vừa qua, cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông lâm thủy sản; trong khi vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng của tất cả các khu vực và các ngành kinh tế. Đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH. Tuy nhiên, trong suốt hơn 10 năm phát triển (2002-2012), tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực vùng ĐBSH vẫn còn chậm, so với mục tiêu kế hoạch đặt ra.

Bảng 2. Cơ cấu kinh tế (GDP) vùng ĐBSH và cả nước giai đoạn 2002-2012

Năm	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		Công nghiệp và xây dựng		Dịch vụ	
	ĐBSH	Cả nước	ĐBSH	Cả nước	ĐBSH	Cả nước
2002	20,3	23,03	38,8	38,49	43,9	38,63
2003	19,6	22,54	38,9	39,47	43,1	38,43
2004	18,4	21,81	39,2	40,21	43,8	37,99
2005	16,2	20,97	39,0	40,02	44,4	37,98
2006	15,3	20,40	39,4	41,54	44,2	38,01
2007	14,0	20,34	42,2	41,48	43,8	38,06
2008	13,9	22,10	43,2	39,73	42,9	38,18
2009	13,0	20,9	44,0	40,24	43,0	38,85
2010	12,2	20,6	45,0	41,63	42,8	41,93
2011	12,0	22,0	45,4	40,80	42,6	37,20
2012	11,8	21,9	45,6	41,10	42,9	37,71
02/12 (+/-)	-8,5	-1,4	6,8	2,61	-1,0	-0,92

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH và Việt Nam giai đoạn 2003-2013 và tính toán của tác giả.

Nếu như khu vực nông lâm ngư nghiệp chiếm tỷ trọng là 20,3% vào năm 2002, thì đến năm 2012 vẫn còn chiếm tới 11,8% (cả nước là 21,9%). Khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2002 chiếm 38,8% trong tổng giá trị sản phẩm xã hội toàn vùng, đến năm 2012 cũng chỉ tăng

thêm 6,8%, chiếm tỷ trọng 45,6% (cả nước là 41,1%). Đặc biệt, khu vực dịch vụ lại giảm; năm 2002 chiếm tỷ trọng 43,9%, nhưng đến năm 2012 lại giảm xuống chiếm tỷ trọng 42,9% (giảm 1,0%) trong tổng giá trị sản phẩm xã hội toàn vùng (xem bảng 2).

Từ nghiên cứu thực tiễn, phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng ĐBSH thời kỳ 2002-2012 có thể rút ra một số nhận xét khái quát sau đây:

- Trong thời gian qua cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp - xây dựng (38,8% năm 2002 lên 45,6% năm 2012) và giảm nhẹ tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ (từ 43,9 năm 2002 xuống còn 42,9% năm 2012). Xu hướng chuyển dịch này cơ bản phù hợp với mục tiêu và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

- Xu hướng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu trong thời gian qua mang tính đặc thù của một vùng có tiềm năng nổi trội cho phát triển du lịch, thủy sản và do đó kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng mỹ nghệ và đồ lưu niệm...

- Cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp còn chưa hợp lý và chuyển dịch còn chậm, chưa áp dụng được nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới vào trong sản xuất nhằm thích ứng với BĐKH. Sản xuất chủ yếu tập trung vào lương thực và các loại rau đậu, gia vị; các tiềm năng phát triển các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển chăn nuôi... chưa được khai thác đầy đủ, hợp lý, do đó tăng trưởng thấp. Điều đó đòi hỏi trong thời gian tới phải có những giải pháp tích cực để phát triển nông, lâm nghiệp một cách toàn diện.

- Mặc dù cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH trong giai đoạn 2002-2012 chuyển dịch đúng hướng đã định, nhưng với tình hình thời tiết cực đoan, biến đổi thất thường với tần suất ngày càng gia tăng trong suốt giai đoạn đã ảnh hưởng lớn tới sự tăng trưởng và phát triển của các khu vực kinh tế. Điều này dẫn tới tốc độ chuyển dịch chậm chạp, cơ cấu kinh tế vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

- Một số ngành công nghiệp chế biến, du lịch, thủy sản có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng quy mô còn hết sức nhỏ bé so với tiềm năng phát triển của vùng. Để hướng tới xây dựng một cơ

cấu kinh tế hợp lý, hiện đại thích ứng với BĐKH cần có sự đầu tư thỏa đáng để phát triển các ngành này tương xứng với tiềm năng thế mạnh của nó. Bên cạnh đó, cần có sự hỗ trợ tích cực để phát triển các ngành công nghiệp có trình độ khoa học công nghệ cao như: cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt, may, da giày... trở thành những ngành công nghiệp mạnh trong tương lai.

- Một số ngành công nghiệp chế biến, du lịch, thủy sản có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng quy mô còn hết sức nhỏ bé so với tiềm năng phát triển của vùng. Để hướng tới xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại thích ứng với BĐKH cần có sự đầu tư thỏa đáng để phát triển các ngành này tương xứng với tiềm năng thế mạnh của nó. Bên cạnh đó, cần có sự hỗ trợ tích cực để phát triển các ngành công nghiệp có trình độ khoa học công nghệ cao như: cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt, may, da giày... trở thành những ngành công nghiệp mạnh trong tương lai.

2. Các giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH thích ứng với BĐKH

Những thành tựu của công cuộc đổi mới vừa qua đã và đang tạo ra thế và lực mới cho chặng đường phát triển tiếp theo của vùng ĐBSH. Nâng cao hiệu quả đầu tư và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các ngành sản xuất thích ứng với BĐKH là định hướng cơ bản cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng trong thời gian tới.

Dựa vào điều kiện thực tế của vùng ĐBSH và để thực hiện các mục tiêu đã đề ra cho giai đoạn tiếp theo, trong thời gian tới, vùng ĐBSH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

2.1. Nhóm giải pháp chung chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH thích ứng với BĐKH

2.1.1. Tăng cường nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân đối với BĐKH

Như đã phân tích ở trên, tác động của BĐKH đối với các ngành sản xuất vùng ĐBSH trong những năm qua là rất lớn, làm cản trở quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng theo mục tiêu đã định. Mặc dù trong những năm qua

Chính phủ đã tăng cường đầu tư vốn, nhân lực và các biện pháp nhằm giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH, nhưng vẫn còn quá ít so với yêu cầu. Trong khi đó, diễn biến của BĐKH ngày càng phức tạp và nguy hiểm. Vì vậy, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành sản xuất và nhân dân về những ảnh hưởng to lớn của BĐKH trong phòng chống và thích ứng với các điều kiện bất thường của thời tiết là rất quan trọng. Thông tin này có thể được chuyển đến các hộ nông dân thông qua hệ thống truyền thanh, truyền hình, báo chí, tờ rơi. Ở cấp huyện, xã, thôn, thông tin này có thể tuyên truyền thông qua hệ thống loa phát thanh, các cuộc họp thôn, xóm, đoàn thể và phải trở thành một phần trọng trong các kế hoạch thường niên của các cấp thôn, xã của các địa phương trong vùng. Đây là một biện pháp quan trọng giúp các hộ nông dân có thể tự tìm ra phương thức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH đặc biệt là bão, lũ, hạn hán và nước biển dâng.

2.1.2. Rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, đặc biệt là ngành nông nghiệp của các địa phương trong vùng

Hiện nay các ngành sản xuất đều phải chịu tác động của BĐKH, đặc biệt là ngành nông nghiệp chịu sự chi phối rất lớn của điều kiện tự nhiên. Ở mỗi nước, mỗi vùng thì điều kiện tự nhiên lại rất khác nhau. Vì vậy phải rà soát và hoàn thiện quy hoạch các vùng kinh tế, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp phù hợp điều kiện tự nhiên và diễn biến của BĐKH ở mỗi vùng và địa phương trong vùng ĐBSH trong từng giai đoạn.

Quy hoạch các ngành sản xuất trong tất cả các lĩnh vực là cơ sở hoạch định chiến lược phát triển và xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH của vùng. Rà soát bổ sung và điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của vùng từ đó xác định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với căn cứ quy hoạch. Đây là giải pháp đầu tiên quan trọng nhất để chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích ứng với BĐKH.

Việc tiến hành rà soát quy hoạch trong những năm tới cần tiến hành điều tra bổ sung nguồn lực

liên quan đến quy hoạch, bố trí lại các ngành sản xuất, các khu công nghiệp ven biển, đặc biệt ngành nông nghiệp cần tập trung quy hoạch cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện BĐKH nhằm khai thác, tận dụng các nguồn lực để sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, điều kiện tự nhiên của vùng.

Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng hiện nay, các ngành sản xuất và các khu công nghiệp cần quy hoạch tập trung ở những nơi có cốt nền cao, đặc biệt quy hoạch một số giống cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực, rau đậu... có khả năng chịu hạn, ngập lụt trong thời gian dài, nên tập trung quy hoạch các vùng sản xuất theo chuyên môn hoá đối với các sản phẩm này. Trong ngành nông nghiệp phải tăng nhanh năng suất lao động và năng suất ruộng đất, tăng tỷ trọng các cây trồng khác, nhất là các cây trồng có giá trị kinh tế cao và có khả năng thích ứng với BĐKH.

Bên cạnh quy hoạch ngành, vùng cần kết hợp lồng ghép với quy hoạch thủy lợi, giao thông, năng lượng và các cơ sở hạ tầng... cho việc giảm nhẹ tác động của BĐKH và thích ứng với BĐKH trong các kế hoạch sản xuất của các ngành và của các địa phương trong vùng ĐBSH.

Trong những năm qua nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật đã được áp dụng cho các ngành sản xuất vùng ĐBSH như các công nghệ chế biến, sản xuất hiện đại, tiết kiệm năng lượng và giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính trong ngành công nghiệp. Đặc biệt đối với ngành nông nghiệp là các giống cây trồng vật nuôi và các mô hình đã dạng hoá cây trồng thích ứng với BĐKH.

Vì vậy, quy hoạch ngành, lĩnh vực kết hợp lồng ghép với quy hoạch thủy lợi, giao thông, năng lượng... là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế của vùng, giúp cho việc xác định cơ cấu kinh tế phù hợp và có cơ sở khoa học. Từ đó có thể đẩy nhanh và hoàn thiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH một cách có hiệu quả.

2.1.3. Thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng và các biện pháp giảm nhẹ, thích ứng với BĐKH

Chính sách đầu tư là một nhân tố quan trọng trong việc thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư. Vì vậy, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích ứng với BĐKH phải hoàn thiện chính sách này. Chính sách đầu tư bao gồm các nội dung như: Tạo vốn cho đầu tư phát triển, điều chỉnh cơ cấu đầu tư cho phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và cơ sở hạ tầng nhằm giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với BĐKH.

Tăng cường thu hút vốn đầu tư cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH thích ứng với BĐKH bao gồm có hai nguồn chính:

- *Huy động vốn trong nước:* Cần có chính sách phù hợp để tạo vốn trong vùng, đây là nguồn vốn có ý nghĩa quyết định lâu dài, đảm bảo có đủ năng lực nội tại để đón nhận, lựa chọn và tham gia bình đẳng trong quan hệ hợp tác, đầu tư với nước ngoài. Hướng chính của tạo vốn trong nước là phải xây dựng cơ chế tiết kiệm năng lượng trong tiêu dùng để đầu tư cho sản xuất và cơ sở hạ tầng giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với BĐKH. Đồng thời có biện pháp tích cực khuyến khích, huy động tiền nhân rồi tất cả các thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư dành một phần kinh phí riêng để đầu tư cho các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH cho từng ngành, lĩnh vực sản xuất.

- *Huy động vốn nước ngoài:* Vốn đầu tư bên ngoài có vị trí quan trọng, nhất là khi nguồn tích lũy trong vùng còn thấp. Để huy động được nguồn vốn này cần đơn giản hoá các thủ tục, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài vào làm việc dễ dàng, thuận tiện. Chuẩn bị tốt các dự án phát triển, các chương trình đầu tư, danh mục công trình và các biện pháp đảm bảo giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH cụ thể cho các dự án đó để tranh thủ nguồn vốn tín dụng của nước ngoài, vốn ODA, vay với lãi suất ưu đãi các tổ chức tài chính quốc tế: IMF, WB, ADB..., đồng thời tích cực kêu gọi người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về quê hương bằng nhiều hình thức.

Việc thu hút đầu tư từ nước ngoài không chỉ tạo vốn mà còn tạo ra cơ hội trong việc xây dựng các hệ thống cảnh báo thiên tai sớm hiện đại, đổi mới công nghệ sản xuất, đào tạo cán bộ kỹ thuật,

lao động, quản lý hiện đại và mở rộng thị trường. Trong những năm tới, để phục vụ cho mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thích ứng với BĐKH, vùng ĐBSH cần chú trọng khai thác các nguồn sau:

+ Nguồn vốn đầu tư tập trung từ ngân sách nhà nước.

+ Nguồn vốn tự có của các doanh nghiệp.

+ Huy động vốn trong dân (bằng các chính sách, chế độ hợp lý...).

+ Phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế, liên doanh liên kết kinh tế để thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

Hiện nay, nhu cầu về vốn đầu tư cho việc đắp và phòng hộ đê rất lớn nhưng nguồn ngân sách của Chính phủ đầu tư cho các địa phương trong vùng chưa đáp ứng được so với yêu cầu. Vì vậy, huy động tất cả các nguồn lực từ trung ương đến địa phương và các nguồn vốn nước ngoài để đắp và phòng hộ đê là rất cần thiết. Đặc biệt trên địa bàn vùng ĐBSH đang rất cần kinh phí của Trung ương và các tổ chức trong và ngoài nước để vùng có thể đáp được hệ thống đê chắn sóng ở các tỉnh ven biển trong vùng để đảm bảo cho sản xuất và đời sống của nhân dân nơi đây.

2.1.4. Tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ

Mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ của vùng ĐBSH được xác định là: Phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có chất lượng cao, có cơ cấu trình độ, chuyên môn phù hợp với các hướng khoa học - công nghệ ưu tiên. Phấn đấu đến năm 2020, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ ngang mức trung bình tiên tiến của các nước trong khu vực. Phát triển lực lượng cán bộ khoa học - công nghệ theo hướng ưu tiên: điện tử, tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa. Nâng cao trình độ, chất lượng và hiệu quả của các công trình nghiên cứu trong nước, tăng số lượng và hiệu quả của các công trình nghiên cứu trong nước, tăng số lượng công trình khoa học đạt trình độ quốc tế tương đương với các nước trung bình tiên tiến trong khu vực. Tập trung phát triển khoa học công nghệ cơ bản và công nghệ sản phẩm phục vụ việc giảm nhẹ và thích ứng

với ĐBKH nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ trong vùng ĐBSH để sản xuất ra hàng hóa đạt tiêu chuẩn quốc tế bảo đảm sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Tạo bước nhảy vọt về công nghệ với tốc độ tăng trưởng vượt trội tại một số ngành và lĩnh vực kinh doanh then chốt, nhất là ở những sản phẩm và dịch vụ và chủ lực trên cơ sở chuyên giao công nghệ hiện đại của thế giới nhằm thích ứng với ĐBKH. Đến năm 2020 đủ năng lực tiếp thu, làm chủ và sử dụng hiệu quả công nghệ hiện đại từ nước ngoài nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa...

Xây dựng và phát triển thị trường khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới cơ chế và chính sách phát triển khoa học - công nghệ của các tỉnh, thành phố nhằm tạo nhu cầu ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ phù hợp với yêu cầu thích ứng với ĐBKH vào sản xuất và đời sống, tăng cường sự hỗ trợ cho các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, phát triển thị trường vốn, mở rộng, lồng ghép quỹ ưu đãi đầu tư. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước. Chủ động hội nhập sâu kinh tế quốc tế, tạo sức ép thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm thực sự đến ĐBKH và các biện pháp thích ứng nhằm tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Đồng thời tính toán hiệu quả khi lựa chọn công nghệ, đổi mới sản phẩm. Triển khai các cơ chế, chính sách, quy định của nhà nước, thể chế hóa các giao dịch trong thị trường khoa học - công nghệ nhằm đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ theo hướng góp vốn bằng bản quyền đối với sản phẩm nghiên cứu hoặc các hình thức sở hữu trí tuệ khác.

Tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ, tập trung xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm trong vùng phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, phù hợp với yêu cầu giảm nhẹ và thích ứng với ĐBKH. Tập trung đầu tư xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao phù hợp với mô hình của địa phương trong lĩnh vực công

ngiệp, nông nghiệp... chuẩn bị cơ sở vật chất cho sự phát triển ở giai đoạn tiếp theo. Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ có trình độ cao và nhận thức tốt về ĐBKH, chuẩn bị cho cả nước trước mắt cũng như lâu dài. Nâng cao mức đầu tư, hỗ trợ tài chính từ nguồn ngân sách cho việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý khoa học - công nghệ, các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm. Phân bổ đưa tổng mức đầu tư cho khoa học - công nghệ của vùng ĐBSH đạt 3% GDP vào năm 2020.

Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học - công nghệ thích ứng với điều kiện ĐBKH và nước biển dâng, tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của cả nước, các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý, đổi mới công nghệ phù hợp với hoàn cảnh mới hiện nay hướng theo các mục tiêu ưu tiên của vùng. Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, lựa chọn đối tác chiến lược, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế. Tranh thủ tối đa các kênh chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài phù hợp với yêu cầu thích ứng với ĐBKH, đặc biệt là kênh đầu tư trực tiếp nước ngoài, hợp tác nghiên cứu khoa học - công nghệ.

2.1.5. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao
Nguồn nhân lực là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích ứng với ĐBKH. Để có nguồn nhân lực chất lượng cao, các địa phương trong vùng ĐBSH cần phải:

- Lập kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ quản trị kinh doanh đủ sức tiếp cận với những tiến bộ mới về khoa học quản lý, về công nghệ mới, biết dự báo và nhận thức tốt về ĐBKH để chủ động ứng phó với ĐBKH.

- Xây dựng chính sách đào tạo nguồn lao động theo hướng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động đáp ứng yêu cầu về nhận thức và ứng phó với ĐBKH trong từng bộ phận của tất cả các ngành sản xuất phù hợp với cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư của các ngành. Chính sách này cần xây dựng theo hướng giải quyết đào tạo việc

lâm và nhận thức về BĐKH cho một lực lượng lao động lớn nông thôn không có đất canh tác do sử dụng đất vào mục đích công nghiệp nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSH thích ứng với BĐKH. Vùng ĐBSH có thể đẩy nhanh phát triển các khu công nghiệp tập trung với công nghệ cao để thu hút công nhân bậc cao bên ngoài vào vùng, đẩy mạnh cụm công nghiệp vừa và nhỏ và các cụm công nghiệp làng nghề. Tăng cường tạo thêm việc làm ở khu vực phi nông nghiệp, phát triển thêm các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa cư dân nông thôn, hình thành hệ thống đô thị vệ tinh trên địa bàn các tỉnh trong vùng ĐBSH. Thu hút lao động trên cơ sở đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thích ứng với BĐKH để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2.2. Nhóm giải pháp cụ thể nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSH thích ứng với BĐKH

2.2.1. Đối với nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

• Đối với ngành nông nghiệp

Thứ nhất, tăng cường tổ chức phân tích, cảnh báo lũ lụt, hạn hán chi tiết đối với ngành nông nghiệp.

Để phát triển ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu ngành thích ứng với BĐKH thì việc tăng cường thông tin, cảnh báo lũ lụt, hạn hán là vấn đề rất cần thiết. Theo đó, nội dung của việc cảnh báo bao gồm:

- Dự kiến tác động của BĐKH đến điều kiện thời tiết và nguồn nước.

- Kết hợp với các viện nghiên cứu và các cơ quan chức năng lập bản đồ hạn hán và bản đồ ngập lụt trong từng khu vực tương đối chi tiết.

- Xây dựng chỉ tiêu cảnh báo lũ lụt, cảnh báo hạn hán.

- Thực trạng BĐKH và những sự kiện có liên quan như hạn hán, bão lụt, nước biển dâng...

- Thực trạng hệ thống đê sông và đê biển trong yếu, đặc biệt là ở các địa phương có nguy cơ cao và các phương pháp phòng chống.

- Thông tin cụ thể và kịp thời về thời tiết, lượng mưa, nắng nóng, bão lũ, bão biển và các hiện tượng có liên quan: cấp độ bão, thời gian và địa điểm xảy ra bão, các vùng có thể bị ảnh hưởng, các hiện tượng có liên quan như mưa, lũ, nắng nóng, hạn hán và các biện pháp phòng chống cụ thể.

Thứ hai, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thời vụ phù hợp với yêu cầu thích ứng với BĐKH

Để giảm nhẹ tác động của BĐKH và chủ động ứng phó với BĐKH, đối với ngành nông nghiệp vùng ĐBSH, việc đầu tiên cần làm là tăng cường nghiên cứu, dự báo tác động tổn thương đối với cơ cấu cây trồng vật nuôi trong từng thời vụ. Đồng thời dự kiến các cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu với hoàn cảnh mới (chống hạn, chống nắng, chống nóng và dịch bệnh). Trên cơ sở những căn cứ đó các nhà hoạch định chính sách sẽ lập kế hoạch điều chỉnh cơ cấu cây trồng vật nuôi mới và điều chỉnh thời vụ.

Thứ ba, đa dạng hóa hoạt động xen canh, luân canh đồng thời nâng cấp cải tạo hệ thống tưới tiêu

Việc đa dạng hóa các hoạt động xen canh, luân canh trong sản xuất cũng cần phải nghiên cứu, dự báo khả năng phù hợp với mỗi vùng của các địa phương trong vùng ĐBSH. Đối với mỗi vùng của các địa phương khác nhau cần nghiên cứu các công thức luân canh, xen canh mới phù hợp với điều kiện tự nhiên của các địa phương trong hoàn cảnh BĐKH. Từ kết quả này sẽ tiến hành các giải pháp kỹ thuật cụ thể cho từng ngành nhằm thích ứng với BĐKH cho từng vùng của các địa phương trong vùng ĐBSH.

Mặt khác, sau khi đã có công thức xen canh, luân canh phù hợp với các địa phương trong vùng thì thực hiện cải thiện hiệu quả tưới tiêu nông nghiệp, dự kiến nhu cầu tưới tiêu theo cơ cấu mùa vụ mới. Từ đó, đánh giá được khả năng đáp ứng của hệ thống các phương tiện tưới tiêu của mỗi vùng trong các địa phương và đưa ra giải pháp điều chỉnh hệ thống tưới tiêu và thay thế mới một số phương tiện tưới tiêu hiệu suất cao hơn.

• *Đối với ngành lâm nghiệp*

Rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và ngăn ngừa hiện tượng xói mòn, lũ lụt... để phát triển ngành lâm nghiệp trong điều kiện BĐKH, cần xây dựng chính sách, biện pháp ngăn ngừa khai thác rừng trái phép. Đồng thời lập kế hoạch trồng rừng, ưu tiên rừng các loại trên các địa bàn, ưu tiên địa bàn xung yếu và địa bàn dễ bị hoang mạc hóa. Lập kế hoạch từng bước hạn chế khai phá rừng, bảo vệ rừng quý hiếm.

Bên cạnh đó, tác động của BĐKH như nắng nóng, hạn hán sẽ gây ra nguy cơ cháy rừng. Để vùng ĐBSH khắc phục được tình trạng này, cần phải tổ chức phòng chống cháy rừng có hiệu quả bằng các kế hoạch như: Xây dựng chỉ tiêu cảnh báo cháy rừng trên từng vùng; Xây dựng hệ thống cảnh báo cháy rừng; Tăng cường thiết bị chống cháy rừng. Song song với việc này vùng ĐBSH cần xây dựng, thiết lập các tổ chức phòng chống cháy rừng và truyền thông, giáo dục ý thức phòng chống cháy rừng cho mọi tầng lớp trong nhân dân.

• *Đối với ngành thủy sản*

Tác động của BĐKH đối với ngành thủy sản là làm thay đổi môi trường sống của các loài thủy sinh - nguồn thức ăn quan trọng của ngành nuôi trồng thủy sản, dịch bệnh tăng trên các loài tôm cá nước ngọt, nước mặn, nước lợ. Vì vậy, ngành thủy sản cần thực hiện đồng bộ các biện pháp như: Tính toán chi phí lợi ích trong các giải pháp thích ứng với BĐKH đồng thời điều chỉnh các hoạt động thích ứng trong từng thời kỳ hay giai đoạn. Đây là căn cứ để xây dựng và thực hiện chiến lược quản lý tổng hợp vùng bờ biển và vùng cô, xây dựng mới đê biển cùng với việc phối hợp các ngành liên quan hoàn thiện kế hoạch quản lý tài nguyên nước...

Bên cạnh đó, ngành thủy sản cần chú trọng quy hoạch lại nghề đánh cá, vùng cá nước ngọt và nước lợ, cải tiến kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, đồng thời xây dựng các kế hoạch đánh bắt trong hoàn cảnh BĐKH.

2.2.2. *Đối với nhóm ngành công nghiệp - xây dựng*

Tác động của BĐKH sẽ gây ra cho ngành công nghiệp - xây dựng khó khăn trong việc cung cấp nguyên liệu đầu vào như: điện, nước và các nguyên liệu sản xuất khác... Đây cũng là ngành gây ô nhiễm môi trường và có nhiều lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính - một trong những tác nhân gây ra BĐKH. Do vậy, những năm tới ngành công nghiệp xây dựng vùng ĐBSH cần giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực cung ứng năng lượng bằng việc chuyển đổi nhiên liệu từ than sang khí đốt trong các nhà máy sản xuất điện, tăng cường sử dụng năng lượng thay thế và đầu tư xây dựng đường điện nhằm giảm tổn thất và tiêu hao trong truyền tải điện. Đồng thời tăng cường nghiên cứu, ứng dụng năng lượng tái chế thay thế áp dụng cho tất cả các khu vực sản xuất.

Để thích ứng với BĐKH, ngành công nghiệp - xây dựng cần tập trung vào các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH như sau:

Thứ nhất, điều chỉnh kế hoạch phát triển năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải phù hợp với tình hình BĐKH với những nội dung như:

- Xây dựng các phương án điều chỉnh cơ sở hạ tầng và hoạt động của các lĩnh vực: Năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải.

- Tính toán lợi ích, chi phí của các phương án điều chỉnh nói trên.

- Lập kế hoạch điều chỉnh từng phần trong các thời kỳ hay giai đoạn.

Thứ hai, nâng cấp và cải tạo các công trình năng lượng, công nghiệp và giao thông vận tải trên các địa bàn xung yếu:

- Đánh giá tác động của BĐKH đến điều kiện tự nhiên trên các địa bàn xung yếu trong vùng.

- Đánh giá tác động của BĐKH đến hoạt động của các cơ sở năng lượng, công nghiệp và giao thông vận tải trên các địa bàn.

- Nâng cấp và cải tạo cơ sở hạ tầng và điều chỉnh hoạt động của lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải trên các địa bàn nói trên.

2.2.3. *Đối với nhóm ngành dịch vụ*

Hoạt động du lịch là ngành đem lại hiệu quả lớn, thúc đẩy quá trình trao đổi thương mại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ. Tác

động của BDKH sẽ làm cho ngành du lịch trở nên khó khăn trong việc lập kế hoạch du lịch và phát triển ngành. Để giảm nhẹ tác động của BDKH và chuyển dịch cơ cấu các ngành trong khu vực dịch vụ của vùng ĐBSH thích ứng với BDKH, ngành du lịch cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất, điều chỉnh quy hoạch du lịch biển bằng việc thực hiện đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của BDKH đối với du lịch biển. Trên cơ sở này điều chỉnh quy hoạch du lịch biển và điều chỉnh mùa vụ du lịch biển phù hợp với hoàn cảnh BDKH. Đồng thời nâng cấp một số bãi tắm như Đồ Sơn (Hải Phòng), Hải Hậu (Nam Định), Bãi Cháy (Quảng Ninh)... và cơ sở hạ tầng cũng như phương tiện của các khu du lịch biển.

Thứ hai, điều chỉnh quy hoạch du lịch sinh thái và du lịch núi cao bằng việc thực hiện đánh giá tác động của BDKH đối với du lịch sinh thái và du lịch núi cao. Kết quả đánh giá này sẽ làm cơ sở để điều chỉnh quy hoạch du lịch sinh thái, du lịch núi cao và nâng cấp các khu du lịch sinh thái và núi cao./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), *Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam*, NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
- *Công ước khung của Liên hiệp Quốc về biến đổi khí hậu* (United Nations Framework Convention on Climate Change), ngày 21 tháng 3 năm 1994.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết 24-NQ/TW về về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, Tháng 6/2013, Hà Nội.
- Trần Thọ Đạt, (chủ biên) (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế vùng ven biển*, Diễn đàn phát triển kinh tế Việt Nam, NXB Giao thông, Hà Nội.
- Thôi Công Hào, Nguyễn Thanh Tuyền, Trần Tôn Hưng (2002), *Phân tích vùng và quy hoạch vùng*, Hàn Ngọc Lương dịch, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Lê Thị Hiệu (2012), *Nghiên cứu đánh giá hạn hán vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận văn Thạc sĩ, Hà Nội.
- Nguyễn Danh Sơn (2013), *Chủ trương, chính sách của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển bền vững*, Tạp chí Môi trường, tháng 7/2013, Hà Nội.
- Nguyễn Danh Sơn (2013), *Kinh tế học biến đổi khí hậu và một số vấn đề về nghiên cứu và triển khai (R&D) phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 5 năm 2013, Hà Nội.
- Bùi Tất Thắng (2006), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Đặng Văn Thắng, Phạm Ngọc Dũng (2003), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trọng Hiệu (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1554/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2012-2020, định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng*.
- Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 795/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 5 năm 2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*.
- Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 2 năm 2014 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo*

đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

■ Trần Thục, Huỳnh Thị Lan Hương, Đào Minh Trang (2012), *Tích hợp vấn đề biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*, NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.

■ Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001, 2011.*

■ Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng các năm 2002-2013.*